

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH:** Phó Giáo sư

**Mã hồ sơ:** .....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

**Đối tượng đăng ký:** Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

**Ngành:** Liên ngành Nông nghiệp – Lâm nghiệp; **Chuyên ngành:** Quản lý tài nguyên và môi trường nông lâm nghiệp

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** NGUYỄN TẤN PHONG

**2. Ngày tháng năm sinh:** 13/02/1975; Nam ☒ Nữ ; ☐ **Quốc tịch:** Việt Nam;

**Dân tộc:** Kinh. **Tôn giáo:** Không.

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:** Không.

**4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):** An Ninh Tây, Huyện Tuy An, Tỉnh Phú Yên

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):** 1352/1 Nguyễn Trung Trực, Phường An Bình, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):** 1352/1 Nguyễn Trung Trực, Phường An Bình, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**Điện thoại nhà riêng:** Không có. **Điện thoại di động:** 0939910768; **E-mail:** nguyentanphong@tdtu.edu.vn

**7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

1. Từ tháng 7 năm 1997 đến tháng 5 năm 2004: Cán bộ hành chính / phiên dịch, Dự án Bảo tồn Vườn Quốc gia Cát Tiên, Vườn Quốc gia Cát Tiên, tỉnh Đồng Nai. Dự án do Quỹ Quốc tế về Bảo vệ thiên nhiên (WWF) tài trợ.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

2. Từ tháng 5 năm 2004 đến tháng 5 năm 2005: Cán bộ kỹ thuật, Dự án Thí điểm Khu bảo tồn biển Hòn Mun, tỉnh Khánh Hòa. Dự án do Liên minh Bảo tồn thiên nhiên Quốc tế (IUCN) tài trợ.

3. Từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 5 năm 2006: Cán bộ kỹ thuật / Quản đốc, Dự án Sinh kế bền vững và Sử dụng khôn ngoan tài nguyên đất ngập nước Khu bảo tồn Láng Sen, tỉnh Long An và Vườn Quốc gia Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp. Dự án do Tổ chức CARE tại Việt Nam tài trợ.

4. Từ tháng 6 năm 2006 đến tháng 9 năm 2008: Quản đốc, Dự án Bảo tồn đa dạng sinh học biển và ven biển và Sử dụng bền vững Quần đảo Côn Đảo, Vườn Quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án do Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) tài trợ.

5. Từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 5 năm 2011: Cán bộ kỹ thuật, Dự án Bảo tồn và Phát triển Khu Dự trữ sinh quyển Kiên Giang, tỉnh Kiên Giang. Dự án do Tổ chức Hợp tác phát triển Cộng hòa Liên Bang Đức (GTZ) tài trợ.

6. Từ tháng 5 năm 2013 đến tháng 7 năm 2016: Cán bộ kỹ thuật, Dự án Biến đổi khí hậu Torres Strait, Queensland, Australia. Dự án do Bộ Môi trường, Nước, Di sản và Nghệ thuật Australia tài trợ.

7. Từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 10 năm 2017: Giảng viên cơ hữu, Khoa Tài nguyên – Môi trường, Trường Đại học Kiên Giang, tỉnh Kiên Giang.

8. Từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 6 năm 2023: Giảng viên thỉnh giảng – Nghiên cứu viên, Khoa Môi trường và bảo hộ lao động, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 6 năm 2022: Trợ giảng, Khoa Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học James Cook, Australia.

**Chức vụ hiện nay:** Không có. **Chức vụ cao nhất đã qua:** Quản đốc dự án.

**Cơ quan công tác hiện nay:** Khoa Môi trường và Bảo hộ Lao động, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

**Địa chỉ cơ quan:** 19 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điện thoại cơ quan:** (028) 37 755 035

**Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):**

- Trường Đại học Kiên Giang, tỉnh Kiên Giang
- Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

**8. Đã nghỉ hưu từ tháng:** Không.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*  
**Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):** không

**Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):**

- Trường Đại học Kiên Giang, tỉnh Kiên Giang
- Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

**9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 9 năm 1997; Số văn bằng B27519; Ngành: Ngôn ngữ học; Chuyên ngành: Ngữ Văn Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 28 tháng 2 năm 2013; Số văn bằng 6118; Ngành: Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Chuyên ngành: Quản lý khu bảo tồn; Nơi cấp bằng Thạc sĩ (trường, nước): Trường Đại học James Cook, Queensland, Australia.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 8 tháng 12 năm 2016; Số văn bằng 76843; Ngành: Quản lý khoa học môi trường; Chuyên ngành: Quản lý khoa học môi trường; Nơi cấp bằng Tiến sĩ (trường, nước): Trường Đại học James Cook, Queensland, Australia.

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:** Không.

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở:** Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó Giáo sư tại HĐGS:** Liên ngành Nông nghiệp – Lâm nghiệp; **Chuyên ngành:** Quản lý tài nguyên và môi trường nông lâm nghiệp

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

- Quản lý tổng hợp đới bờ
- Kiểm soát xói lở bờ biển bùn và giải pháp thuận thiên

**14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- **Đã hướng dẫn (số lượng):** 03 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;

- **Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:** 02 dự án cấp cơ sở;

- **Đã công bố (số lượng):** 30 ấn phẩm khoa học, trong đó 25 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín ISI, 02 bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín Scopus, 02 bài báo tiếng Việt và 01 sách chuyên khảo bằng tiếng Anh.

**15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):** Không có.

**16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):** Không có.

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trong thời gian hơn 06 năm tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Đại học Kiên Giang và Trường Đại học Tôn Đức Thắng, ứng viên luôn luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu. Trong mỗi tiết giảng dạy, ứng viên luôn cố gắng hoàn thành công tác giảng dạy, bảo đảm chất lượng giảng dạy ở mức cao nhất, và luôn chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy giúp cho sinh viên tiếp cận và hiểu nội dung bài giảng. Ứng viên nhiệt tình hướng dẫn sinh viên thực hiện đồ án tốt nghiệp cũng như cùng sinh viên nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, ứng viên còn tích cực công bố quốc tế. Ứng viên luôn gương mẫu và chấp hành tốt nội quy và quy định của nhà trường.

### 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm 06 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học    | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|------------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |            | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SĐH |                                                                                           |
|                 |            |                           |     |                                    |                                         |                                    |     | VD: 140/290/270                                                                           |
| 1               | 2016-2017  |                           |     |                                    |                                         | 60                                 | 0   | 60/60/270<br>(Giảng viên cơ hữu tại Đại học Kiên Giang)                                   |
| 2               | 2017-2018  |                           |     |                                    | 3 (hướng dẫn chính)                     | 74                                 | 0   | 74/110/135<br>(Giảng viên thỉnh giảng tại Đại học Kiên Giang và Đại học Tôn Đức Thắng)    |
| 3               | 2018- 2019 |                           |     |                                    | 2 (hướng dẫn chính)                     | 0                                  | 0   | 0/24/135<br>(Giảng viên thỉnh giảng tại Đại học Tôn Đức Thắng)                            |
| 03 năm học cuối |            |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4               | 2019- 2020 |                           |     | 1 (hướng dẫn chính)                |                                         | 30                                 | 0   | 30/60/135<br>(Giảng viên thỉnh giảng tại Đại học Kiên Giang và Đại học Tôn Đức Thắng)     |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|   |            |  |  |                     |  |    |    |                                                                    |
|---|------------|--|--|---------------------|--|----|----|--------------------------------------------------------------------|
| 5 | 2020-2021  |  |  |                     |  | 30 | 0  | 30/30/135<br>(Giảng viên thỉnh giảng tại Đại học Kiên Giang)       |
| 6 | 2021- 2022 |  |  | 2 (hướng dẫn chính) |  | 0  | 35 | 35/112.5/135<br>(Giảng viên thỉnh giảng tại Đại học Tôn Đức Thắng) |
| 7 | 2022- 2023 |  |  |                     |  | 0  | 25 | 25/37.5/135<br>(Giảng viên thỉnh giảng tại Đại học Tôn Đức Thắng)  |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ tại nước: Australia; Năm 2012;

- Bảo vệ luận văn TS ☒ tại nước: Australia; Năm năm 2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn; số bằng: B27519; năm cấp: 1997.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: .....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

**4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng**

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                              |                                                       |
| 1  | Mai Lê Minh Nhựt              |           | HVCH          | X                     |     | 2020 – 2021                        | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | 28/04/2021 /210420320002                              |
| 2  | Cù Thị Nương                  |           | HVCH          | X                     |     | 2021 – 2022                        | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | 20/04/2023 /23048520320002                            |
| 3  | Nguyễn Bảo Thuận              |           | HVCH          | X                     |     | 2021 – 2022                        | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | 20/04/2023 /23048520320004                            |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:**

| TT  | Tên sách                                                                                                            | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên         | Phản biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)                                          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------|------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Trước khi được công nhận TS                                                                                         |                            |                              |            |                  |                                         |                                                                                                     |
| 1   | Towards Sustainable Coastal Mangrove Protection and Management in Ben Tre province (Binh Dai, Ba Tri and Thanh Phu) | CK                         | IUCN / 2015                  | 1          | Nguyễn Tấn Phong | 1-52                                    | Thư xác nhận của Nhà xuất bản / đơn vị cho phép phát hành sách chuyên khảo ngày 22 tháng 6 năm 2023 |
| ... |                                                                                                                     |                            |                              |            |                  |                                         |                                                                                                     |
| II  | Sau khi được công nhận PGS/TS                                                                                       |                            |                              |            |                  |                                         |                                                                                                     |
| 1   |                                                                                                                     |                            |                              |            |                  |                                         |                                                                                                     |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Ứng viên biên soạn 01 sách chuyên khảo bằng tiếng Anh có tựa đề: Towards Sustainable Coastal Mangrove Protection and Management in Ben Tre, Vietnam. Sách chuyên khảo này được Liên minh Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) bình duyệt, cho phép in và phát hành trên toàn thế giới vào năm 2015. Sách chuyên khảo đánh giá và thảo luận các giải pháp bảo vệ vùng bờ hiện nay cũng như ghi chép ban đầu các giải pháp thuận thiên.

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

| TT  | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, CN/PCN/TK, ĐT...)                                                                                               |    | Mã số và cấp quản lý                                                                          | Thời gian thực hiện     | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------|
| I   | Trước khi được công nhận PGS                                                                                                                            |    |                                                                                               |                         |                                                     |
| 1.1 | Strategically Assessing the Sustainability of Tourism Development on Phu Quoc Island, Kien Giang Province, Vietnam Using Land and Water Indicators – ĐT | CN | AAGF-R1-11<br>(Dự án cấp cơ sở do Aus4Skills - Đại sứ Quán Australia tại Việt Nam tài trợ)    | 23/05/2017 - 20/06/2018 | (20/06/2018)<br>Hoàn thành xuất sắc                 |
| 1.2 | Investigating the Relationship between Coastal Erosion and Human Activities in the Mekong Delta of Vietnam - ĐT                                         | CN | AAGF-R2-00046<br>(Dự án cấp cơ sở do Aus4Skills - Đại sứ Quán Australia tại Việt Nam tài trợ) | 15/11/2018 - 16/10/2019 | (16/10/2019)<br>Hoàn thành xuất sắc                 |
| II  | Sau khi được công nhận PTS                                                                                                                              |    |                                                                                               |                         |                                                     |
|     |                                                                                                                                                         |    |                                                                                               |                         |                                                     |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố** (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:**

| TT                                                 | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                                                          | Số tác giả | Là tác giả chính                               | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN        | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang      | Tháng, năm công bố |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------|--------------------|
| <b>Hướng nghiên cứu 1: Quản lý tổng hợp đới bờ</b> |                                                                                                                                                                                 |            |                                                |                                                        |                                                   |                                            |                     |                    |
| I                                                  | Trước khi được công nhận TS                                                                                                                                                     |            |                                                |                                                        |                                                   |                                            |                     |                    |
| 1                                                  | Community Perspectives on an Internationally Funded Mangrove Restoration Project: Kien Giang Province, Vietnam                                                                  | 04         | Tác giả chính (tác giả đầu và tác giả gởi bài) | Ocean & Coastal Management / Print ISSN: 0964-5691     | ISI (IF = 4.295, Q1)                              | 28                                         | 119, 146 – 154      | 2017               |
| Trước khi được công nhận PGS                       |                                                                                                                                                                                 |            |                                                |                                                        |                                                   |                                            |                     |                    |
| 2                                                  | Existing Strategies for managing mangrove dominated muddy coasts: Knowledge gaps and recommendations                                                                            | 03         | Tác giả chính (tác giả đầu và tác giả gởi bài) | Ocean & Coastal Management / Print ISSN: 0964-5691     | ISI (IF = 4.295, Q1)                              | 6                                          | 138, 93 – 100       | 2017               |
| 3                                                  | Mangrove allocation for coastal protection and livelihood improvement in Kien Giang province, Vietnam: Constraints and recommendations                                          | 03         | Tác giả chính (tác giả đầu và tác giả gởi bài) | Land Use Policy / Print ISSN: 0264-8377                | ISI (IF = 6.189, Q1)                              | 26                                         | 63, 401 – 407       | 2017               |
| 4                                                  | Developing a Framework for Integrating Local and Scientific Knowledge in Internationally Funded Environment Management Projects: Case studies from Kien Giang Province, Vietnam | 03         | Tác giả chính (tác giả đầu và tác giả gởi bài) | Local Environment / ISSN: 1354-9839 (Print)            | ISI (IF = 3.590, Q1)                              | 6                                          | 22(11), 1298 - 1310 | 2017               |
| 5                                                  | Human Activities and Coastal Erosion on the Kien Giang Coast, Vietnam                                                                                                           | 03         | Tác giả chính (tác giả đầu và                  | Journal of Coastal Conservation / Print ISSN 1400-0350 | ISI (IF = 2.098, Q2)                              | 15                                         | 21 (6), 967 – 979   | 2017               |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                                                                                 |    |                                                               |                                                                           |                                                                           |    |                        |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----|------------------------|------|
|    |                                                                                                                                                                                 |    | tác giả<br>gửi bài)                                           |                                                                           |                                                                           |    |                        |      |
| 6  | Coastal Land Use Planning<br>in Ben Tre: constraints and<br>Recommendations                                                                                                     | 02 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>đầu và<br>tác giả<br>gửi bài) | Heliyon / ISSN<br>2405-8440<br>(Online)                                   | ISI (IF =<br>3.776,<br>Q1)                                                | 13 | 5(4), 1<br>– 21        | 2019 |
| 7  | Marine Algal Species and<br>Marine Protected Area<br>Management: A Case<br>Study in Phu Quoc, Kien<br>Giang, Vietnam                                                            | 02 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>gửi bài)                      | Ocean &<br>Coastal<br>Management /<br>Print ISSN:<br>0964-5691            | ISI (IF =<br>4.295,<br>Q1)                                                | 4  | 178,<br>104816         | 2019 |
| 8  | Marine algal species and<br>their distribution in Phu<br>Quoc marine protected area                                                                                             | 02 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>gửi bài)                      | Data in Brief<br>Online ISSN:<br>2352-3409                                | Emergin<br>g Sources<br>Citation<br>Index /<br>SCOPUS<br>(IF =2.4,<br>Q2) | 0  | 25,<br>104200          | 2019 |
| 9  | Hiện trạng phân bố và nhận<br>diện loài rong mơ thuộc chi<br>Sargassum (Phaeophyta) ở<br>Phú Quốc – Kiên Giang,<br>Việt Nam                                                     | 2  | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>đầu)                          | Tạp chí Khoa<br>học Trường Đại<br>học Cần Thơ /<br>ISSN 1859-<br>2333     |                                                                           | 0  | 55(5B),<br>57 –<br>66. | 2019 |
| 10 | Rong đỏ Laurencia<br>(Rhodophyta) ở Phú Quốc,<br>Kiên Giang, Việt Nam:<br>Hiện trạng phân bố và nhận<br>diện loài                                                               | 3  | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>đầu)                          | Tạp chí Nông<br>nghiệp & Phát<br>triển Nông thôn<br>/ ISSN 1859 -<br>4581 |                                                                           | 0  | 365,<br>127 –<br>134   | 2019 |
| 11 | Mangroves diversity and<br>erosion mitigation<br>performance in a low<br>salinity soil area: case study<br>of Vinh City, Vietnam                                                | 05 |                                                               | Wetlands<br>Ecology and<br>Management /<br>Print ISSN<br>0923-4861        | ISI (IF =<br>2.134,<br>Q2)                                                | 5  | 28,<br>163–<br>176     | 2020 |
| 12 | Current Management of<br>Allocated Mangroves for<br>Livelihood Improvement in<br>the Mekong Delta,<br>Vietnam: Knowledge Gaps<br>and a Potential Model for<br>Future Management | 02 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>gửi bài)                      | Journal of<br>Sustainable<br>Forestry / Print<br>ISSN: 1054-<br>9811      | ISI (IF =<br>1.425,<br>Q2)                                                | 1  | 40(1),<br>68 – 82      | 2020 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                                                 |    |                                                |                                                                          |                      |    |                     |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------|----|---------------------|------|
| 13 | Protected Mangrove Forests and Aquaculture Development for livelihoods                                                                          | 04 | Tác giả chính (tác giả đầu và tác giả gợi bài) | Ocean & Coastal Management / Print ISSN: 0964-5691                       | ISI (IF = 4.295, Q1) | 13 | 205, 105553         | 2021 |
| 14 | Water Resource Management and Island Tourism Development: Insights from Phu Quoc, Kien Giang, Vietnam                                           | 02 | Tác giả chính (tác giả đầu và tác giả gợi bài) | Environment, Development and sustainability / Print ISSN 1387-585X       | ISI (IF = 4.080, Q1) | 9  | 23, 17835 – 17856   | 2021 |
| 15 | Vertical Green Walls for Noise and Temperature Reduction: An Experimental Investigation                                                         | 06 |                                                | Science and Technology for the Built Environment / Print ISSN: 2374-4731 | ISI (IF – 2.094, Q2) | 0  | 1-20                | 2021 |
| 16 | Configuration of Allocated Mangrove Areas and Protection of Mangrove-Dominated Muddy Coasts: Knowledge Gaps and Recommendations                 | 02 | Tác giả chính (tác giả đầu và tác giả gợi bài) | Sustainability / ISSN: 2071-1050                                         | ISI (IF – 3.889, Q1) | 3  | 13(11), 6258        | 2021 |
| 17 | Immobilization of Microorganisms in Activated Zeolite Beads and Alkaline Pretreated Straws for Ammonium-Nitrogen Removal from Urban River Water | 07 |                                                | Water Science and Technology / ISSN 0273-1223                            | ISI (IF = 2.430, Q2) | 0  | 85 (1), 63 – 67     | 2022 |
| 18 | Zoning the suitability of the western Mekong Delta for paddy rice cultivation and aquaculture under current and future environmental conditions | 09 |                                                | Environmental Monitoring and Assessment / Print ISSN 0167-6369           | ISI (IF = 3.307, Q2) | 0  | 194 (Suppl 2), 767. | 2022 |
| 19 | Shoreline Change and Community-based Climate Change Adaptation: Lessons Learnt from Brebes Regency, Indonesia                                   | 03 | Tác giả chính (tác giả đầu và tác giả gợi bài) | Ocean & Coastal Management / Print ISSN: 0964-5691                       | ISI (IF = 4.295, Q1) | 7  | 218, 106037         | 2022 |
| 20 | Marine Plastic Litter in Phu Quoc Marine Protected                                                                                              | 02 | Tác giả chính                                  | Journal of the Polish Mineral                                            |                      | 0  | 2,                  | 2023 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|                                                                                  |                                                                                                                                         |    |                                                               |                                                                          |                                                       |    |                        |      |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----|------------------------|------|
|                                                                                  | Area, Vietnam: Current Status and Mitigation Approaches                                                                                 |    | (tác giả<br>gởi bài)                                          | Engineering<br>Society / ISSN<br>1640-4920                               | Emergin<br>g Sources<br>Citation<br>Index /<br>SCOPUS |    | 107 –<br>113           |      |
| 21                                                                               | Local Perceptions of Mangrove Protection and Livelihood Improvement in Co-management: Lessons Learnt and Recommendations                | 03 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>đầu và<br>tác giả<br>gởi bài) | Ocean &<br>Coastal<br>Management /<br>Print ISSN:<br>0964-5691           | ISI (IF =<br>4.295,<br>Q1)                            | 0  | 237,<br>106530         | 2023 |
| 22                                                                               | Thinning and selective harvesting and mangrove protection forests: Lessons learned and recommendations from the Vietnamese Mekong Delta | 02 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>đầu và<br>tác giả<br>gởi bài) | Estuarine,<br>Coastal and<br>Shelf Science /<br>Print ISSN:<br>0272-7714 | ISI (IF =<br>3.229,<br>Q1)                            | 0  | 288,<br>108345         | 2023 |
| <b>Hướng nghiên cứu 2: Kiểm soát xói lở bờ biển bùn và giải pháp thuận thiên</b> |                                                                                                                                         |    |                                                               |                                                                          |                                                       |    |                        |      |
| Trước khi được công nhận TS                                                      |                                                                                                                                         |    |                                                               |                                                                          |                                                       |    |                        |      |
| 23                                                                               | Mangrove Restoration: Establishment of a Mangrove Nursery on Acid Sulphate Soils                                                        | 04 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>đầu và<br>tác giả<br>gởi bài) | Journal of<br>Tropical Forest<br>Science / ISSN<br>01281283              | ISI (IF<br>=0.770,<br>Q2)                             | 12 | 28(3),<br>275 –<br>284 | 2016 |
| Trước khi được công nhận PGS                                                     |                                                                                                                                         |    |                                                               |                                                                          |                                                       |    |                        |      |
| 24                                                                               | Gradual expansion of mangrove areas as an ecological solution for stabilizing a severely eroded mangrove dominated muddy coast          | 02 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>đầu và<br>tác giả<br>gởi bài) | Ecological<br>Engineering /<br>Print ISSN:<br>0925-8574                  | ISI (IF =<br>4.379,<br>Q1)                            | 15 | 107,<br>239 –<br>243   | 2017 |
| 25                                                                               | Mangrove transplantation in Brebes Regency, Indonesia: Lessons and Recommendations                                                      | 03 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>đầu và<br>tác giả<br>gởi bài) | Ocean &<br>Coastal<br>Management /<br>Print ISSN:<br>0964-5691           | ISI (IF =<br>4.295,<br>Q1)                            | 14 | 149, 12<br>– 21        | 2017 |
| 26                                                                               | Melaleuca Entrapping Microsites as a Nature Based Solution to Coastal                                                                   | 01 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>đầu và                        | Ocean &<br>Coastal<br>Management /                                       | ISI (IF =<br>4.295,<br>Q1)                            | 10 | 155, 98<br>– 103       | 2018 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                                                                                                               |    |                                                               |                                                                |                            |   |                |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------|---|----------------|------|
|    | Erosion: A Pilot Study in Kien Giang, Vietnam                                                                                                                                                                 |    | tác giả<br>gởi bài)                                           | Print ISSN:<br>0964-5691                                       |                            |   |                |      |
| 27 | Ecological Engineering and Restoration of Eroded Muddy Coasts in South East Asia: Knowledge Gaps and Recommendations                                                                                          | 04 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>gởi bài)                      | Sustainability /<br>ISSN: 2071-<br>1050                        | ISI (IF –<br>3.889,<br>Q1) | 6 | 13,<br>1248    | 2020 |
| 28 | Using Fine-Grained Sediment and Wave Attenuation as a New Measure for Evaluating the Efficacy of Offshore Breakwaters in Stabilizing an Eroded Muddy Coast: Insights from Ca Mau, The Mekong Delta of Vietnam | 06 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>gởi bài)                      | Sustainability /<br>ISSN: 2071-<br>1050                        | ISI (IF –<br>3.889,<br>Q1) | 7 | 13(9),<br>4798 | 2021 |
| 29 | Offshore structures, sea mud accumulation and mangrove regeneration: Insights from the Vietnamese Mekong Delta, Vietnam                                                                                       | 01 | Tác giả<br>chính<br>(tác giả<br>đầu và<br>tác giả<br>gởi bài) | Ocean &<br>Coastal<br>Management /<br>Print ISSN:<br>0964-5691 | ISI (IF =<br>4.295,<br>Q1) | 0 | 225,<br>106243 | 2022 |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                                                                                                                                                                                 |    |                                                               |                                                                |                            |   |                |      |
|    |                                                                                                                                                                                                               |    |                                                               |                                                                |                            |   |                |      |
|    |                                                                                                                                                                                                               |    |                                                               |                                                                |                            |   |                |      |
|    |                                                                                                                                                                                                               |    |                                                               |                                                                |                            |   |                |      |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

Ứng viên đã công bố **29 bài báo khoa học**, trong đó có **27 bài báo quốc tế xếp hạng ISI / Scopus. 02 bài báo Tiếng Việt**, cụ thể như sau:

- Ứng viên là tác giả chính - tác giả đầu và tác giả gởi bài: của **16 bài báo ISI**: [1], [2], [3], [4], [5], [6], [14], [16], [19], [21], [22], [23], [24], [25], [26], [29]
- Ứng viên là tác giả chính - tác giả gởi bài của **5 bài báo ISI**: [7], [12], [13], [27], [28]
- Ứng viên là đồng tác giả của **4 bài báo ISI**: [11], [15], [17], [18]
- Ứng viên là tác giả chính - tác giả gởi bài của **2 bài báo Scopus**: [8], [20]
- Ứng viên là tác giả chính – Tác giả đầu của **2 bài báo Tiếng Việt** [9], [10].

**7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố** (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| TT  | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I   | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II  | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

## 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1   |                                                |                 |                    |                            |            |
| 2   |                                                |                 |                    |                            |            |
| ... |                                                |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

## 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT  | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1   |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| 2   |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| ... |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

| TT  | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1   |                                                             |                                |                                              |                                    |                                 |         |
| 2   |                                                             |                                |                                              |                                    |                                 |         |
| ... |                                                             |                                |                                              |                                    |                                 |         |

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:**

**a) Thời gian được bổ nhiệm PGS**

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

**b) Hoạt động đào tạo**

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- 2016 - 2017 / 75

- 2018 - 2019 / 67.5

- 2019 - 2020 / 37.5

- 2020 - 2021 / 37.5

- 2021 - 2022 / 32.5

- 2022 - 2023 / 42.5

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- 2016 - 2017 / 75

- 2018 - 2019 / 43.5

- 2019 - 2020 / 7.5

- 2020 - 2021 / 37.5

- 2022 - 2023 / 30

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

**c) Nghiên cứu khoa học**

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

**d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)**

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2023

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Tân Phong